

Bản án số: 10/2024/KDTM-ST

Ngày: 08/5/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Định

2. Bà Lê Thị Xuân Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 44/2022/TLST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2022, về việc “tranh chấp hợp đồng thi công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐST-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-KDTM ngày 16/4/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần K1 (nay là Công ty Cổ phần X).

Trụ sở: 205/14 C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Thanh B là đại diện theo giấy ủy quyền ngày 12/5/2022.

(Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần X1

Trụ sở: 108 C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Hoàng Thị N, ông Lê Tấn H, ông Nguyễn Hồng L, bà Nguyễn Thị Bích K đại diện theo giấy ủy quyền ngày 15/4/2024.

Địa chỉ: A C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

(Có mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2022, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, Nguyên đơn Công ty Cổ phần K1 (nay là Công ty Cổ phần X) có ông Trần Thanh B là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Từ năm 2013 đến 2016, Công ty Cổ phần K1 và Công ty Cổ phần X1 đã ký kết nhiều Hợp đồng, cụ thể như sau:

Hợp đồng thi công số 01/COF/2013/P.TM/VGI-PCP ngày 27/21/2013. Nội dung của Hợp đồng: Công ty C thuê Công ty K1 xây dựng công trình khu xử lý ô nhiễm tại Dự án VGI3-PCP, khu Công nghiệp M, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Giá trị Hợp đồng là 2.786.160.241 đồng.

Hợp đồng thi công số 16/COF/2013/P.TM/VKS2 ngày 12/11/2013. Nội dung của Hợp đồng: Công ty C thuê Công ty K1 xây dựng các hạng mục nhà xưởng Billet Yard và Rolling M, tại Công trình mở rộng Nhà máy V tại KCN P, huyện T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Giá trị Hợp đồng là 32.827.574.722 đồng.

Hợp đồng giao nhiệm vụ thi công số 02/COF/2014/P.TM/SGB-VT ngày 10/3/2014. Nội dung của Hợp đồng: Công ty C thuê Công ty K1 xây dựng công trình móng cọc, tầng hầm, phần thân và hoàn thiện tại trụ sở Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh kiêm Văn Phòng cho thuê thành phố Hải Phòng, Thửa số 92 lô 3B, KDTM ngã 5 sân bay C, phường Đ, quận N, Thành phố Hải Phòng. Giá trị Hợp đồng là 36.764.838.245 đồng.

Hợp đồng thầu phụ số 02/COF/2014/P.TM/58-TUP ngày 29/4/2014. Nội dung của hợp đồng: Công ty C thuê Công ty K1 xây dựng gói thầu xây lắp kết cấu móng và tầng hầm tại Nhà làm việc Văn phòng Thành ủy. Giá trị Hợp đồng là 17.186.868.066 đồng.

Ngày 04/9/2014, hai bên ký Phụ lục hợp đồng 02/COF/2014/P.TM/58-TUP-PL2 điều chỉnh điều 7 của Hợp đồng thầu phụ số 02/COF/2014/P.TM/58-TUP ngày 29/4/2014 về thời gian thực hiện công việc được gia hạn tính đến hết ngày 31/10/2014.

Hợp đồng thi công số 04/COF/2014/P.TM/VIS\_1413 ngày 14/11/2014. Nội dung của hợp đồng: Công ty C thuê Công ty K1 thi công kết cấu Tower 1 và Tower 2 tại Dự án khu dân cư V tại đường Đ, phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị Hợp đồng là 73.845.937.923 đồng.

Hợp đồng thi công số 06/COF/2014/P.TM/VCB-TOWER ngày 20/12/2014. Nội dung của Hợp đồng: Công ty C thuê Công ty K1 thi công cảnh quan và các công tác bên ngoài công trình Vietcombank T – Phần thân tại địa chỉ số E, Công Trường M, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị hợp đồng là 8.395.667.305 đồng.

Ngày 28/01/2015, hai bên ký Phụ lục Hợp đồng số 06/COF/2014/P.TM/VCB-TOWER-PL01 quy định điều chỉnh Điều 7 tại Điều kiện riêng của Hợp đồng thầu phụ được quy định kèm theo Hợp đồng thi công số 06/COF/2014/P.TM/VCB-TOWER ngày 20/12/2014 là “thời gian thực hiện Hợp đồng được gia hạn đến hết ngày 30/4/2015”

Hợp đồng thi công số 04/COF/2015/P.TM/VIS\_1413 ngày 30/6/2015. Nội dung của hợp đồng: Công ty C thuê Công ty K1 thi công kết cấu PODIUM-PHASE 2 tại Dự án khu dân cư VISTA VERDE tại đường Đ, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị Hợp đồng là 50.828.410.780 đồng.

Hợp đồng thi công số 22/COF/2015/P.TM/HCM-GAT-1519 tháng 01/2016. Nội dung của Hợp đồng: Công ty C thuê Công ty K1 thi công kết cấu phần thân Block B tại Dự án GATEWAY T tại phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị Hợp đồng là 24.720.271.857 đồng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng trên, Công ty K1 đã hoàn thành nghĩa vụ của Công ty K1. Tuy nhiên, Công ty C vẫn chưa thanh toán đủ số tiền cho Công ty K1.

Nay Công ty K1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên các Hợp đồng sau giữa Công ty K1 và Công ty C chấm dứt do Công ty C vi phạm Hợp đồng.

- Hợp đồng thi công số 01/COF/2013/P.TM/VGI3-PCP ngày 27/11/2013.

- Hợp đồng thi công số 16/COF/2013/P.TM/VKS2 ngày 12/11/2013.

- Hợp đồng giao nhiệm vụ thi công số 02/COF/2014/P.TM/SGB-VT ngày 10/3/2014.

- Hợp đồng thầu phụ số 02/COF/2014/P.TM/58-TUP ngày 29/4/2014.

- Hợp đồng thi công số 04/COF/2015/P.TM/VIS\_1413 ngày 30/6/2015.

- Hợp đồng thi công số 22/COF/2015/P.TM/HCM-GAT-1519 tháng 01/2016.

2. Buộc Công ty Cổ phần X1 phải thanh toán cho Công ty K1 số tiền là: 3.261.656.485 đồng (Ba tỷ hai trăm sáu mươi một triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng)

3. Buộc COFICO phải thanh toán tiền lãi phát sinh tính từ ngày Công ty C xác nhận công nợ ngày 27/12/2021 đến khi xét xử sơ thẩm với lãi suất 15,5%/năm số tiền 1.194.868.386 đồng.

4. Công ty K1 thanh toán cho Công ty C số tiền là: 590.334.098 đồng

*Tại bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, Bị đơn – Công ty Cổ phần X1 trình bày:*

Đối với các khoản Công ty C còn nợ Công ty K1:

- Hợp đồng số 01/COF/2013/P.TM/VGI3-PCP ngày 27/11/2013 các bên đã đối chiếu và thống nhất công nợ với Việt T1 tại biên bản họp ngày 02/02/2023 theo đó công nợ còn lại là 132.245.135 đồng

- Hợp đồng số 22/COF/2015/P.TM/-GAT-1519 tháng 01/2016 thi công đối với dự án G. Các bên đã đối chiếu công nợ tại biên bản họp ngày 02/2/2023 thì giá trị công nợ hiện tại là 926.408.364 đồng.

- Hợp đồng số 02/COF/2014/P.TM/SGB-VT ngày 10/3/2014 các bên đã đối chiếu và thống nhất công nợ tại biên bản họp ngày 02/02/2013 theo đó công nợ còn lại là 26.161.148 đồng.

- Hợp đồng số 02/COF/2014/P.TM/58-TUP ngày 29/4/2014 các bên đã đối chiếu và thống nhất công nợ tại biên bản họp ngày 02/02/2023 là 1.112.625.990 đồng, tuy nhiên thời điểm V xuất hóa đơn cuối cùng là dựa trên khối lượng trước kiểm toán Nhà nước và Sở tài chính phê duyệt quyết toán cuối cùng. Theo đó số liệu quyết toán công nợ ngày 04/5/2023 theo giá trị COFICO gửi cho Việt T1 thì COFICO chỉ còn công nợ 672.014.396 đồng.

- Hợp đồng 04/COF/2015/P.TM/VIS\_1413 ngày 30/6/2015 trong gói thầu thi công của dự án V. Dự án này hai bên đã ký quyết toán cuối cùng và công nợ cuối cùng đã được đối chiếu và thống nhất trong biên bản họp ngày 02/2/2023 với số công nợ là 293.968.290 đồng.

- Hợp đồng số 22/COF/2015/P.TM/-GAT-1519 ngày 04/02/2016 trong gói thầu thi công kết cấu phần thân Block B và C của dự án Gateway Thảo Đ. Công trình này các bên đã đối chiếu và thống nhất công nợ trong biên bản họp ngày 02/2/2023, giá trị công nợ hiện tại thì Việt T1 còn phải thu 926.408.364 đồng. Tuy nhiên giá trị công nợ này chỉ là đợt thanh toán tạm hàng kỳ chưa phải giá trị quyết toán cuối cùng. Hiện nay COFICO đã quyết toán với chủ đầu tư thì bị bồi thường thiệt hại 6,25% giá trị hợp đồng. COFICO đã đề nghị Việt Thành bố trí nhân sự để làm việc thống nhất lại nhưng Việt T1 chưa phản hồi.

Bị đơn đã thống nhất giá trị quyết toán dựa theo hóa đơn mà V đã xuất cho COFICO. Tuy nhiên tại buổi họp đối chiếu công nợ thì Việt T1 không đồng ý đối với phần mà COFICO chi trả cho Ban điều hành gồm tiền vật liệu xây dựng và tiền lương cho ban điều hành số tiền 442.215.058 đồng.

COFICO đề nghị Việt Thành bố trí nhân sự phối hợp với COFICO để thống nhất khối lượng quyết toán 2 dự án G và Văn phòng thành ủy. Sau khi thống nhất công nợ cuối cùng sẽ được COFICO thanh toán hoặc thu hồi theo đúng hợp đồng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tuyên chấm dứt các hợp đồng thi công và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 3.261.656.485 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 1.194.868.386 đồng. Nguyên đơn đồng ý trả cho bị đơn số tiền 590.334.098 đồng.

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị nguyên đơn sắp xếp nhân sự để cùng nhau thực hiện quyết toán các phần chưa thống nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự, thẩm phán, thư ký và hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần K1 (nay là Công ty Cổ phần X) khởi kiện tranh chấp hợp đồng thi công với bị đơn Công ty Cổ phần X1 có trụ sở tại A C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chấm dứt các hợp đồng thi công và buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc của các hợp đồng thi công số tiền 3.261.656.485 đồng:

Căn cứ vào trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì xác định Công ty Cổ phần K1 nay là Công ty Cổ phần X (sau đây gọi tắt là Việt T1) và Công ty Cổ phần X1 (sau đây gọi tắt là COFICO) có xác lập với nhau các hợp đồng thi công đối với các công trình: Gateway Thảo Điền; Văn phòng Thành ủy; Tổ hợp khách sạn 5 sao; Trung tâm thương mại V1; S1; VGT 3 hệ thống điều khiển xử lý ô nhiễm. Tại phiên tòa, các bên cũng xác định Việt T1 đã thi công xong phần công việc của mình tại các công trình trên. Các công trình trên đều đã được nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2018 đến nay.

Căn cứ vào biên bản họp đối chiếu công nợ ngày 02/02/2023 thì các bên đã thỏa thuận thống nhất công nợ đối với các dự án như sau:

Công trình Gateway Thảo Đ: COFICO phải trả cho Việt T1 số tiền 926.408.364 đồng.

Công trình Văn phòng Thành ủy: COFICO phải trả cho Việt T1 số tiền 1.112.625.990 đồng.

Công trình Tổ hợp khách sạn 5 sao, Trung tâm thương mại V1: V phải trả cho COFICO 252.040.774 đồng.

Công trình S1: COFICO phải trả cho Việt T1 số tiền 26.161.148 đồng

Dự án VGT 3 (Pillkington): COFICO phải trả cho Việt T1 số tiền 27.109.879 đồng.

Dự án VGT 3 (Hệ thống điều khiển, xử lý ô nhiễm): COFICO phải trả cho Việt T1 số tiền 105.153.256 đồng.

Dự án V: COFICO phải trả cho Việt T1 số tiền 1.047.346.760 đồng.

Như vậy tổng công nợ mà COFICO phải trả cho Việt T1 các bên đã thống nhất tính đến ngày 02/2/2023 là 3.261.656.485 đồng.

Cũng tại biên bản họp đối chiếu công nợ ngày 02/02/2023 các bên cũng thống nhất về phần mà Việt T1 phải trả cho COFICO trong công trình Tổ hợp khách sạn 5 sao, Trung tâm thương mại và căn hộ cao cấp là 252.040.774 đồng và khoản tiền bán TSCĐ và CCDC là 346.032.500 đồng, tổng cộng là 598.073.274 đồng.

Tại phiên tòa COFICO xác nhận số công nợ trên là căn cứ vào khối lượng công việc mà Việt T1 đã hoàn thành và xuất hóa đơn cho COFICO.

Đối với số tiền 442.215.058 các bên không thống nhất. Các đương sự xác định đây là khoản tiền mà COFICO trả cho ban điều hành. Tuy nhiên COFICO xác định ban điều hành là các cá nhân thuộc Công ty K1 và COFICO. Số tiền chi cho Ban điều hành này gồm tiền vật liệu xây dựng và tiền lương cho nhân viên ban điều hành. Như vậy đây là khoản tiền riêng mà COFICO thanh toán cho cá nhân khác nên không liên quan đến Công ty K1. Nếu COFICO nhận thấy việc thanh toán cho các cá nhân này không đúng thì có thể yêu cầu khởi kiện các cá nhân này trong vụ án khác.

Như vậy các bên đã thống nhất công nợ là COFICO phải thanh toán cho Việt T1 số tiền là 3.261.656.485 đồng - 598.073.274 đồng = 2.663.583.211 đồng.

Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 422, Điều 428 của bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 81 của Luật Xây dựng năm 2003 và Điều 22 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 17/5/2010 của Chính phủ thì bị đơn có quyền yêu cầu thanh toán giá trị khối lượng công việc như các bên đã xác định tại biên bản họp đối chiếu công nợ ngày 02/2/2023.

Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấm dứt các hợp đồng thi công và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 2.663.583.211 đồng.

[3] Về yêu cầu tiền lãi chậm trả:

Do các bên đã họp thống nhất công nợ từ ngày 02/2/2023 nhưng COFICO chưa thanh toán cho Việt T1 theo biên bản họp đối chiếu công nợ nên COFICO phải chịu tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 03/02/2023 cho đến khi xét xử sơ thẩm là ngày 08/5/2024 theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương Mại.

Lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP N1 – chi nhánh Thành phố H là 10%; Lãi suất cho vay của Ngân hàng S – Chi nhánh Thành phố H là 12,5%/năm; Lãi suất cho vay của Ngân hàng N2 – Chi nhánh T2 là 8,6%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Do đó lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay là 15,5%/năm.

Số tiền lãi mà COFICO phải trả cho Việt T1 là: 2.663.583.211 đồng x (15,5%/năm x (15 tháng 5 ngày)) = 520.310.912 đồng.

Tổng cộng COFICO phải trả cho Việt T1 số tiền nợ gốc và lãi là 2.663.583.211 + 520.310.912 đồng = 3.183.894.123 đồng.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, COFICO có trình bày ý kiến về việc phải chịu khoản tiền bồi thường đối với chủ đầu tư trong dự án Gateway Thảo Đ và đề nghị V phải có trách nhiệm chịu bồi thường cùng với COFICO. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án COFICO không có đơn yêu cầu phản tố cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ về việc bồi thường hợp đồng đối với chủ đầu tư nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này trong vụ án. Nếu COFICO nhận thấy có thiệt hại trong việc bồi thường thiệt hại với Chủ đầu tư mà V có liên quan thì COFICO có quyền

khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

Đối với giá trị quyết toán giữa V và COFICO trong công trình Văn phòng Thành Ủy, COFICO trình bày giá trị quyết toán sau khi kiểm toán nhà nước phê duyệt và được chủ đầu tư thanh toán thấp hơn giá trị quyết toán mà V và COFICO đã thống nhất. Quá trình giải quyết vụ án COFICO cũng không cung cấp các tài liệu về việc quyết toán giữa COFICO với chủ đầu tư về khối lượng mà V đã thi công. Mặt khác khối lượng công việc giữa V và C đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng, và giá trị thanh toán đã được Việt T1 và COFICO thống nhất tại biên bản họp đối chiếu công nợ. Do đó COFICO phải có nghĩa vụ thanh toán như đã nhận định ở trên.

[5] Về án phí: bị đơn – Công ty Cổ phần X1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty K1; Công ty K1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Q.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 422, Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 81 Luật Xây dựng năm 2003; Điều 21 Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010,

Căn cứ Điều 306 của Luật thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Q.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – Công ty Cổ phần K1 (nay là Công ty Cổ Phần X).

Tuyên bố chấm dứt các hợp đồng giữa Công ty Cổ phần K1 (nay là Công ty Cổ Phần X) với Công ty Cổ phần X1:

- Hợp đồng thi công số 01/COF/2013/P.TM/VGI3-PCP ngày 27/11/2013.
- Hợp đồng thi công số 16/COF/2013/P.TM/VKS2 ngày 12/11/2013.
- Hợp đồng giao nhiệm vụ thi công số 02/COF/2014/P.TM/SGB-VT ngày 10/3/2014.
- Hợp đồng thầu phụ số 02/COF/2014/P.TM/58-TUP ngày 29/4/2014.

- Hợp đồng thi công số 04/COF/2015/P.TM/VIS\_1413 ngày 30/6/2015.

- Hợp đồng thi công số 22/COF/2015/P.TM/HCM-GAT-1519 tháng 01/2016.

Buộc bị đơn – Công ty Cổ phần X1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần K1 (nay là Công ty Cổ Phần X) số tiền bao gồm:

Nợ gốc là: 2.663.583.211 (hai tỉ sáu trăm sáu mươi ba triệu năm trăm tám mươi ba nghìn hai trăm hai mươi một) đồng.

Nợ lãi là: 520.310.912 (năm trăm hai mươi triệu ba trăm mười nghìn chín trăm mười hai) đồng

Tổng cộng là 3.183.894.123 (ba tỉ một trăm tám mươi ba triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn một trăm hai mươi ba) đồng.

**2.** Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi là 674.557.474 (sáu trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi bốn) đồng.

**3.** Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn – Công ty Cổ phần X1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận chấp nhận là 95.677.882 (chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm tám mươi hai) đồng.

Nguyên đơn – Công ty Cổ phần K1 (nay là Công ty Cổ Phần X) phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là: 30.982.298 (ba mươi triệu chín trăm tám mươi hai nghìn hai trăm chín mươi tám) đồng nhưng được khấu trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.012.246 (năm mươi bảy triệu không trăm mười hai nghìn hai trăm bốn mươi sáu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007330 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. H1 lại cho Công ty Cổ phần K1 (nay là Công ty Cổ Phần X) số tiền 26.029.948 (hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi tám) đồng.

**4.** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.



**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Duy**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**